

Số: 58 /2024/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 232/NQ-HĐND ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 và một số nội dung thuộc lĩnh vực tài chính – ngân sách;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 6206/TTr-STC ngày 22 tháng 11 năm 2024; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 334/BC-STP ngày 30 tháng 10 năm 2024 và ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức quy định chi tiết theo phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng nêu trên là diện tích tối thiểu.

Các cơ quan, tổ chức căn cứ vào Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức quy định tại Quyết định này, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu thực tế, khả năng cân đối ngân sách để xác định diện tích chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, làm cơ sở lập kế hoạch, dự toán ngân sách, giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Điều 4. Quy định chuyển tiếp

Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp nhà làm việc thuộc trụ sở cơ quan, tổ chức đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì không xác định lại diện tích theo tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2024.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để xem xét, giải quyết theo quy định.

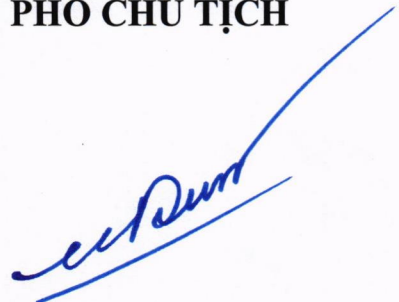
Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh, Công TTĐT tỉnh (công báo);
- V0, V1-V3; TM3, XD3, TH;
- Lưu: VT, TM6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Văn Diện

**PHỤ LỤC TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH CHUYÊN DỤNG CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH**

(Kèm theo Quyết định số **58** /2024/QĐ-UBND ngày **28** tháng **11** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

TT	Nội dung	Diện tích tối thiểu	Ghi chú
I	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính, tiếp dân, quản trị hệ thống công nghệ thông tin		
1	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	48 m ²	Trong đó, diện tích bố trí nơi ngồi chờ giải quyết công việc không nhỏ hơn 30%.
2	Diện tích sử dụng tiếp dân	18 m ²	Trong đó phải bố trí đủ diện tích và bàn ghế phục vụ khách trong thời gian chờ
3	Quản trị hệ thống công nghệ thông tin	24 m ²	
II	Hội trường lớn (từ 100 chỗ ngồi trở lên)	80 m ² (không bàn) 180 m ² (có bàn)	0,8 m ² / chỗ không bàn, 1,8 m ² / chỗ có bàn
III	Kho chuyên ngành (Kho bảo quản các tài sản khác theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của ngành)	20 m ²	